



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ
TÂN AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đô Thị Tân An hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát** trong năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Minh Nhật	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lương Minh Nhật	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/10/2015)
Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Trưởng ban kiểm soát (Cán bộ Sở Tài chính)
Bà Hà Thị Thu Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/08/2015)
Ông Phan Thanh Nhân	Thành viên

2. **Trụ sở chính** đặt tại số 8, Tinh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Thu gom, vận hành, xử lý rác thải đô thị và xử lý nước thải công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng, chiếu sáng đô thị, công trình giao thông, công viên, cây xanh đô thị;
- Xây dựng, vận hành hệ thống: cấp nước, thoát nước đô thị, công viên, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu giao thông và điện trung hạ thế; Quản lý, duy tu và xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị;
- Mua, bán phân bón cây kiểng; Mua, bán công cụ làm vườn; Mua, bán và nhận ký gởi cây kiểng, hòn non bộ;
- Xử lý môi trường;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân, dịch vụ tang lễ;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi, giải trí và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ chăm sóc cây cảnh sân vườn;
- Dịch vụ dọn dẹp vệ sinh, lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện, nước hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp.

4. **Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 20.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty.

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Long An, ngày 07 tháng 03 năm 2016

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch




LƯƠNG MINH NHỰT



Số: 158/BCKT-2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 20 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766
Email: svc-ct@vnn.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

**KT. Giám đốc
Phó Giám đốc**



TRẦN TẤN TƯỜNG
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0175-2013-107-1

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.862.448.678	22.595.196.228
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.771.528.093	12.353.770.829
1.	Tiền	111		2.771.528.093	2.353.770.829
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	10.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.001.439.450	9.361.037.058
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.567.381.118	9.136.621.170
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	457.158.332	224.415.888
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(23.100.000)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		1.014.000.135	819.718.038
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	1.014.000.135	819.718.038
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.6	75.481.000	60.670.303
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.481.000	60.670.303
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.747.387.202	8.877.402.520
II.	Tài sản cố định	220		7.692.263.611	8.868.476.156
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.692.263.611	8.868.476.156
-	- Nguyên giá	222		14.995.018.160	14.706.999.978
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.302.754.549)	(5.838.523.822)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		55.123.591	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	55.123.591	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	8.926.364
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	8.926.364
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		31.609.835.880	31.472.598.748

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.586.630.505	11.076.840.601
I. Nợ ngắn hạn	310		11.586.630.505	11.076.840.601
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.844.284.962	1.998.034.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	121.341.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	768.196.636	447.480.381
4. Phải trả người lao động	314		3.390.516.130	3.805.128.423
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	499.833.560
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	532.636.482	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.426.120.050	3.691.222.320
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		604.876.245	513.800.592
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.023.205.375	20.395.758.147
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	20.023.205.375	20.395.758.147
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.167.000.000	14.167.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.167.000.000	14.167.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.856.205.375	5.071.710.688
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	1.157.047.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.157.047.459
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.609.835.880	31.472.598.748

Long An, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Phan Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Trúc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.808.263.180	45.101.352.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.808.263.180	45.101.352.243
4. Giá vốn hàng bán	11		34.301.340.396	34.424.574.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.506.922.784	10.676.777.566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	363.465.851	237.674.022
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		13.919.997	39.945.714
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	6.043.174.732	7.203.162.672
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.813.293.906	3.671.343.202
11. Thu nhập khác	31	VI.4	63.228.534	933.277.271
12. Chi phí khác	32	VI.5	116.756.000	42.093.761
13. Lợi nhuận khác	40		(53.527.466)	891.183.510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.759.766.440	4.562.526.712
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	994.340.466	965.456.826
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.765.425.974	3.597.069.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.7	1.659	2.158
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.7	1.659	2.158

Long An, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		3.759.766.440	4.562.526.712
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.464.230.727	1.365.024.253
-	Các khoản dự phòng	03		23.100.000	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(363.465.851)	(377.304.931)
3.	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.883.631.316	5.550.246.034
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.546.836.164)	20.134.892.264
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(194.282.097)	1.359.238.363
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(289.183.479)	(2.016.862.299)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.884.333)	25.224.816
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(927.956.826)	(1.605.984.147)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.484.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(497.295.363)	(1.020.869.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20		(2.577.806.946)	22.428.369.041
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(343.141.773)	(1.122.743.053)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	139.630.909
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.415.983	99.819.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30		(162.725.790)	(883.292.826)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.841.710.000)	(11.236.999.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		(1.841.710.000)	(11.236.999.957)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50		(4.582.242.736)	10.308.076.258
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60		12.353.770.829	2.045.694.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70		7.771.528.093	12.353.770.829

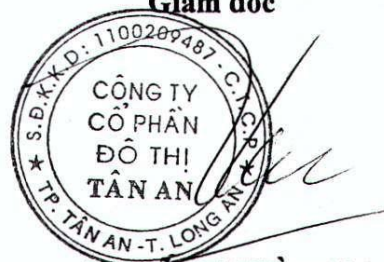
Long An, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô Thị Tân An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013.

2. Trụ sở chính đặt tại số 8, Tinh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

3. Hoạt động chính trong năm 2015 là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, dịch vụ công ích đô thị.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Số liệu đầu năm đã được sắp xếp và phân loại lại cho phù hợp với qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá; Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao áp dụng cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 26 năm
- Máy móc thiết bị 3 – 10 năm
- Phương tiện vận tải 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn;

8. Quỹ tiền lương

Tỷ lệ trích lương 48,44% trên doanh thu dịch vụ công ích (doanh nghiệp đảm bảo kinh doanh không bị lỗ) theo Biên bản họp số 1028/BB-STC ngày 15/04/2015 xin ý kiến chủ sở hữu để biểu quyết các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên và Công văn 1455/UB-KT ngày 22/04/2015 của UBND tỉnh Long An về việc thống nhất các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn;

8. Quỹ tiền lương

Tỷ lệ trích lương 48,44% trên doanh thu dịch vụ công ích (doanh nghiệp đảm bảo kinh doanh không bị lỗ) theo Biên bản họp số 1028/BB-STC ngày 15/04/2015 xin ý kiến chủ sở hữu để biểu quyết các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên và Công văn 1455/UB-KT ngày 22/04/2015 của UBND tỉnh Long An về việc thống nhất các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	73.187.607	162.577.345
Tiền gửi ngân hàng	2.698.340.486	2.191.193.484
Tương đương tiền	5.000.000.000 (*)	10.000.000.000
Cộng	<u>7.771.528.093</u>	<u>12.353.770.829</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Dự án tỉnh Long An	1.638.097.000	107.673.000
Ban Quản lý Dự án thành phố Tân An	425.500.000	1.311.665.000
Phòng quản lý đô thị thành phố Tân An	10.475.194.000	4.780.181.000
Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Tân An		
Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre	1.169.725.264	2.099.725.264
Khách hàng khác	858.864.854	837.376.906
Cộng	<u>14.567.381.118</u>	<u>9.136.621.170</u>

3. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng khoản phải thu khách hàng – Phòng Tài chính – Kế hoạch TP Tân An về khoản phải thu lắp đặt đèn led trang trí tết 2014.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi Ngân hàng	320.904.572	137.854.704
Tạm ứng nhân viên	53.395.500	28.502.100
Phải thu khác	82.858.260	58.059.084
Cộng	<u>457.158.332</u>	<u>224.415.888</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	450.166.906	416.392.777
Công cụ, dụng cụ	164.815.000	128.674.637
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	256.793.000	-
Thành phẩm	-	351.219
Hàng hóa	142.225.229	274.299.405
Cộng	1.014.000.135	819.718.038

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	75.481.000	60.670.303
Cộng	75.481.000	60.670.303

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.183.843.005	-	-	1.183.843.005
Phương tiện vận tải	13.490.386.772	288.018.182	-	13.778.404.954
Thiết bị quản lý	32.770.201	-	-	32.770.201
Cộng	14.706.999.978	288.018.182	-	14.995.018.160
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	(315.204.644)	(105.231.714)	-	(420.436.358)
Phương tiện vận tải	(5.506.523.086)	(1.355.721.992)	-	(6.862.245.078)
Thiết bị quản lý	(16.796.092)	(3.277.021)	-	(20.073.113)
Cộng	(5.838.523.822)	(1.464.230.727)	-	(7.302.754.549)
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	868.638.361			763.406.647
Phương tiện vận tải	7.983.863.686			6.916.159.876
Thiết bị quản lý	15.974.109			12.697.088
Cộng	8.868.476.156			7.692.263.611

Nguyên giá của tài sản tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.347.616.135 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí thi công nhà đậu xe tại Lợi Bình Nhơn.

9. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Hiệp	556.995.000	512.444.000
Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	1.206.150.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông tại Tiền Giang	1.184.984.570	-
Các nhà cung cấp khác	102.305.392	279.440.325
Cộng	1.844.284.962	1.998.034.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	400.841.883	2.579.802.176	2.325.469.561	655.174.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.638.498	994.340.466	927.956.826	113.022.138
Cộng	447.480.381	3.574.142.642	3.253.426.387	768.196.636

11. Doanh thu chưa thực hiện: Tiền thu trước cho thuê mặt bằng hội chợ hoa xuân 2016.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ đất nghĩa trang	71.000.000	44.000.000
Cổ tức từ năm 2009 đến năm 2015	4.355.120.050	3.647.202.320
Cộng	4.426.120.050	3.691.222.320

13. Vốn chủ sở hữu

a/ Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	14.167.000.000	2.197.515.453	2.197.515.453	1.635.593.321
Tăng trong kỳ	-	2.874.195.235	-	3.622.330.886
Giảm trong kỳ	-	-	2.197.515.453	4.100.876.748
Số dư cuối năm trước	14.167.000.000	5.071.710.688	-	1.157.047.459
Số dư đầu năm nay	14.167.000.000	5.071.710.688	-	1.157.047.459
Tăng trong kỳ	-	784.494.687	-	2.765.425.974
Giảm trong kỳ	-	-	-	3.922.473.433
Số dư cuối năm nay	14.167.000.000	5.856.205.375	-	-

Chi tiết phân phối lợi nhuận

	Số tiền
Số dư đầu năm	1.157.047.459
Lợi nhuận tăng trong năm 2015	2.765.425.974
Giảm trong năm bao gồm:	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	392.247.344
Trích quỹ thưởng Ban điều hành năm 2015	196.123.672
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015	784.494.687
Trích cổ tức năm 2015	2.549.607.730
Số dư cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	62,44%	8.845.600.000	8.845.600.000
Cổ phần ưu đãi CBCNV	9,57%	1.356.000.000	1.356.000.000
Cổ phần nhà đầu tư chiến lược	20,00%	2.833.400.000	2.833.400.000
Cổ phần bán đấu giá công khai	7,99%	1.132.000.000	1.132.000.000
Cộng	100,00%	14.167.000.000	14.167.000.000

c/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.416.700	1.416.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.416.700	1.416.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.416.700	1.416.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

d/ Cổ tức: Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: (chưa công bố)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	5.109.571.546	4.828.471.149
Dịch vụ công ích	32.409.315.390	29.273.342.396
Sửa chữa thường xuyên cầu đường	-	4.564.230.908
Khác	6.289.376.244	6.435.307.790
Cộng	43.808.263.180	45.101.352.243

2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.196.818.673	3.598.188.518
Chi phí vật liệu quản lý	121.715.199	113.514.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.548.822	73.256.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.508.734	101.267.645
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng	23.100.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.317.328	284.560.305
Chi phí bằng tiền khác	1.297.165.976	3.032.375.645
Cộng	6.043.174.732	7.203.162.672

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường	11.315.454	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	139.630.909
Thu tiền kinh phí quản lý đất nghĩa trang	-	427.668.000
Giảm trừ số lãi phát sinh do chậm nộp cổ tức về Tổng công ty Vốn nhà nước theo kết quả quyết toán thuế	-	310.024.265
Khác	51.913.080	55.954.097
Cộng	63.228.534	933.277.271

5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	15.743.271
Chênh lệch giữa giá trị quyết toán thực tế và khoản ghi nhận sổ sách của các hạng mục cây xanh và cống thoát nước	85.502.000	-
Chi phí khác	31.254.000	26.350.490
Cộng	116.756.000	42.093.761

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.084.231.014	965.456.826
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(89.890.548)	-
Cộng	994.340.466	965.456.826

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.765.425.974	3.597.069.886
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(414.813.896)	(539.560.483)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.350.612.078	3.057.509.403
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.416.700	1.416.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.659	2.158
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.659	2.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	15.875.614.397	15.031.255.753
Chi phí nhân công	19.653.673.669	20.098.320.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.464.230.727	1.523.655.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.873.081	664.276.949
Chi phí bằng tiền khác	2.566.721.970	2.461.276.707
Cộng	<u>40.596.113.844</u>	<u>39.778.785.269</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2015 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	803.354.921	844.552.831
Thù lao, thưởng khác	294.109.571	440.121.924
Cộng	<u>1.097.464.492</u>	<u>1.284.674.755</u>

1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ công ích đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông, công viên, hệ thống cấp thoát nước đô thị

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản khác của bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty thể hiện tại Phụ lục I đính kèm.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã kiểm toán. Số liệu này đã được sắp xếp và phân loại lại cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của báo cáo tài chính chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

Trình bày theo Quyết định 15			Trình bày theo Thông tư 200		
Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014	Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014
TÀI SẢN			TÀI SẢN		
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.332.534.958	130	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.361.037.058
135	Các khoản phải thu khác	195.913.788	136	Phải thu ngắn hạn khác	224.415.888
150	Tài sản ngắn hạn khác	89.172.403	150	Tài sản ngắn hạn khác	60.670.303
158	Tài sản ngắn hạn khác	28.502.100	155	Tài sản ngắn hạn khác	-

4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Long An, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phan Thanh Nhân

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

PHỤ LỤC I: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Các chỉ tiêu	Hoạt động xây dựng	Hoạt động dịch vụ công ích	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.109.571.546	32.409.315.390	6.289.376.244	43.808.263.180
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.116.430.936	23.447.876.915	5.737.032.545	34.301.340.396
Lãi gộp	(6.859.390)	8.961.438.475	552.343.699	9.506.922.784
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.392.702.057	29.070.620.712	6.638.029.474	45.101.352.243
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.315.365.268	22.681.486.313	5.427.723.096	34.424.574.677
Lãi gộp	3.077.336.789	6.389.134.399	1.210.306.378	10.676.777.566

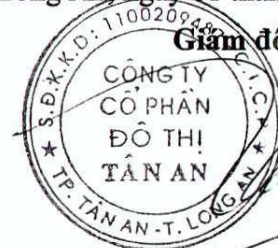
Người lập biểu

Phan Thanh Nhân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Long An, ngày 01 tháng 02 năm 2016



Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Vy